TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày 05-8-2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hoàng Sơn.
Ông Ksor Y Nai.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 12/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Tấn T1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn T1: Bà Nguyễn Thị G, cùng địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày*: Ngày 14/9/2020, tôi có cho vợ chồng ông Phạm Tấn T1 và bà Nguyễn Thị G vay số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, mặc dù tôi đã yêu cầu ông T1, bà G trả nợ nhiều lần nhưng ông T1, bà G không chịu trả cho tôi. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà G phải thanh toán cho tôi toàn bộ số nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài giấy mượn tiền lập ngày 14/9/2020, nội dung vợ chồng ông T1, bà G có mượn của tôi số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) thì giữa tôi và vợ chồng ông T1, bà G không lập giấy vay mượn nào khác.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị G, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Tấn T1 trình bày*: Tôi xác nhận vào ngày 14/9/2020, vợ chồng tôi có mượn của ông Huỳnh T số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Do điều kiện khó khăn nên hiện nay vợ chồng tôi vẫn chưa trả được cho ông T, vợ chồng tôi hẹn đến 30/9/2022 sẽ trả cho ông T. Khoản tiền trên là do ông Huỳnh T cho vợ chồng tôi mượn nên tôi chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền gốc là 75.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Ngoài giấy mượn tiền lập ngày 14/9/2020, nội dung vợ chồng tôi có mượn ông T số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) thì vợ chồng tôi còn viết một giấy nội dung mượn của ông T số tiền 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) để làm ăn. Hai giấy trên là cùng một khoản tiền, viết cùng ngày, cùng giờ, đề nghị ông T xuất trình cả hai giấy trên thì tôi mới đồng ý trả tiền cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" nên Tòa án huyện Ea H'leo thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 04/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị G đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn T1 thừa nhận: "*Vợ chồng tôi có mượn của ông Huỳnh T số tiền 75.000.000 đồng; chữ ký trong giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2020 là do vợ chồng tôi ký tên*". Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại "GIẤY MƯỢN TIỀN" đề ngày 14/9/2020, thể hiện thời hạn trả là 01 năm. Quá thời hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 75.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng kể từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Lãi suất được tính cụ

thể như sau: Từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/8/2022 là 10 tháng 20 ngày x 75.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 6.640.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Tấn T1 phải trả cho ông Huỳnh T là 81.640.000 đồng (Tám mốt triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 75.000.000 đồng; tiền lãi: 6.640.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 365, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Tấn T1 phải trả cho ông Huỳnh T tổng số tiền 81.640.000 đồng (Tám mốt triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 75.000.000 đồng; tiền lãi: 6.640.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Tấn T1 phải chịu 4.082.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Huỳnh T 1.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai số: 60AA/2021/0000933 ngày 02 tháng 6 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy